



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Nhật Nghe Nói 4
- Mã học phần: JAP440
- Số tín chỉ: 3 TC (3/0/6)
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần trước: Tiếng Nhật Nghe Nói 3 (JAP439)
- Đơn vị phụ trách: Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Hồ Thị Minh Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0985711662
- Email: HienHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Hằng
- Chức danh, học vị: Cử nhân
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0944 508 793
- Email: hangttt2@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp và trang bị một số mẫu ngữ pháp sơ cấp có ích cho việc giao tiếp của sinh viên. Đưa ra một số tình huống cụ thể và các mẫu câu thường dùng. Sau đó, cho sinh viên luyện tập theo nhóm giúp các bạn tự tin hơn khi nói tiếng Nhật. Giới thiệu một số qui tắc, cách thức ứng xử và giao tiếp với người Nhật. Luyện kỹ năng tự tin trình bày các bài thuyết trình cá nhân bằng tiếng Nhật trước đám đông.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Hiểu các quy tắc chào hỏi trong giao tiếp trình độ sơ cấp
- Biết giao tiếp về các chủ đề đa dạng hơn ở trình độ sơ cấp: như hoạt động giải trí, các mối quan hệ giữa người với người, chia sẻ về tính cách, sở thích, sức khỏe và cách đọc các bảng cảnh báo, thông báo,...
- Hiểu được ý nghĩa khoảng 100 mẫu ngữ pháp sơ cấp.
- Hiểu được khoảng 300 từ vựng, hán tự cấp độ N4.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu biết kiến thức ngữ pháp tổng quát trình độ sơ cấp.
CLO2	Hiểu biết kiến thức văn hoá Nhật Bản thông qua các bài hội thoại trình độ sơ cấp.
CLO3	Xác định các mẫu ngữ pháp sử dụng trong giao tiếp theo từng chủ đề.
CL04	Ghi nhớ 2000 từ vựng liên quan trong trình độ sơ cấp
Kỹ năng	
CLO5	Nghe được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,
CLO6	Nói được các chủ đề liên quan đến giới thiệu bản thân - gia đình, hỏi giờ, sở

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
	thích, rủ rê - mời gọi, hỏi vị trí đồ vật - con người, cách sử dụng,
CLO7	Viết một cách thành thạo đoạn văn giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích,...
CLO8	Đọc được các chủ đề liên quan đến đất nước, con người, lễ hội, du lịch, tương lai, sở thích, ...
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO9	Tích cực, chủ động trong học tập.
CLO10	Hứng thú với nội dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, tự học tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp.
CLO11	Lên kế hoạch, tổ chức, phân công nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
CLO1		X	X	X	X		X		X				
CLO2		X	X	X	X		X		X				
CLO3			X	X	X		X		X				
CLO4			X	X	X		X		X				
CLO5			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO6			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO7			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO8			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO9	X				X	X	X		X	X	X	X	
CLO10	X				X	X	X		X	X	X	X	

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 112	PLO 13
CLO11	X				X	X	X		X	X	X	X	X

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Bài 38	38.1 ~のは「形容詞」です 38.2 ~のが好き・上手です 38.3 ~のを忘れました 38.4 ~のを知っていますか 38.5 ~のは「名詞」です 会話：片付けるのが好きなんです	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 39	39.1 ~て・泣いて、~ 39.2 ~て・~くて・~で、~ 39.3 ~「名詞」で、~ 39.4 ~ので、~ 会話：遅れてすみません	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 40	40.1 ~「疑問詞」~か、~ 40.2 ~かどうか~ 40.3 ~てみます 40.4 ~かどうか、~てみます 会話：友達ができたかどうか心配です。	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 41	41.1 ~をいただきます・くださいます・やります 41.2 ~てくださいます	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	41.3 ~てやります 41.4 ~てくださいませんか 会話：ご結婚 おめでとうございます	
Bài 42	42.1 ~ (の) ために、 ~ 42.2 ~ (の) に、 ~ 42.3 ~ (の) に ~ (は・も) かかります 会話：ボーナスは何に使いますか	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 43	43.1 ~ (今にも) ~そうです 43.2 ~ (こらから) ~そうです 43.3 ~「形容詞」そうです 43.4 ~てきます 会話： 毎日 楽しそうです	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 44	44.1 「動詞」すぎます 44.2 「形容詞」すぎます 44.3 ~安い・にくいです 44.4 ~安い・にくいです 44.5 ~く・~にします 44.6「名詞」にします 会話： この写真みたいに してください	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 45	45.1 ~「動詞」場合は、 ~ 45.2 ~「形容詞」場合は、 ~ 45.3 ~のに、 ~ 45.4 ~のに、 ~ 会話： コースを間違えた場合は、どうしたらいいですか。	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 46	46.1 ~ところです	

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	46.2 ~ ところです 46.3 ~ ばかりです 46.4 ~ はずです 会話：先週、治してもらったばかりなのに、まあ。。。	
Bài 47	47.1 ~ そうです（書かれた情報を伝える） 47.2 ~ そうです（聞いた情報を伝える） 47.3 ~ そうです 47.4 ~ ようです 47.4 ~ ば~ほど~・~なら~なほど~ 会話：婚約したそうです	
Bài 48	48.1 ~ 人を・に~（さ）せます 48.2 ~ 人を・に（さ）せます 48.3 ~ 好きなことを~（さ）せます 48.4 ~（さ）せていただけませんか 会話：休みませていただけませんか	
Bài 49	49.1 ~（ら）れます 49.2 ~ お~になります 49.3 ~ 特別な尊敬語 49.4 ~ お~ください・総合問題 会話：よろしくお伝えください	
Bài 50	50.1 お・ご~します 50.2 特別な謙譲語 50.3 総合問題 50.4 総合問題	

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	会話：心から感謝いたします	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO12
	Người học được luyện tập các mẫu ngữ pháp thông qua luyện tập kỹ năng nghe.	
	Người học được luyện tập các mẫu ngữ pháp thông qua luyện tập kỹ năng nói.	
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11, CLO12, CLO13
	Người học chia nhóm để thảo luận về các chủ đề theo từng bài học.	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	38.1 ~のは「形容詞」です 38.2 ~のが好き・上手	4			8	12	

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
	です 38.3 ~のを忘れました 38.4 ~のを知っていますか 38.5 ~のは「名詞」です 会話：片付けるのがす きなんです						
2	39.1 ~て・泣いて、~ 39.2 ~て・~くて・~で、~ 39.3 ~「名詞」で、~ 39.4 ~ので、~ 会話：遅れてすみません	4			8	12	
3	40.1 ~「疑問詞」~か、~ 40.2 ~かどうか~ 40.3 ~てみます 40.4 ~かどうか、~てみます 会話：友達ができたか	4			8	12	

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
	どうか心配です。						
4	41.1 ~をいただきます・くださいます・やります 41.2 ~てくださいます 41.3 ~てやります 41.4 ~てくださいますか 会話：ご結婚 おめでとうございます	4			8	12	
5	42.1 ~ (の) ために、～ 42.2 ~ (の) に、～ 42.3 ~ (の) に ~ (は・も) かかります 会話：ボーナスは何に使いますか	3			6	9	
6	43.1 ~ (今にも) ~そうです 43.2 ~ (こらから) ~そうです 43.3 ~「形容詞」そうです	3			6	9	

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
	43.4 ~てきます 会話: 毎日 楽しそうです						
7	44.1 「動詞」すぎます 44.2 「形容詞」すぎます 44.3 ~安い・にくいです 44.4 ~安い・にくいです 44.5 ~く・~にします 44.6 「名詞」にします 会話: この写真みたい に してください	4			8	12	
8	45.1 ~「動詞」場合は、 ~ 45.2 ~「形容詞」場合は、~ 45.3 ~のに、~ 45.4 ~のに、~ 会話: コースを間違えた場合は、どうしたら	3			6	9	

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
	いいですか。						
9	46.1 ～ところです 46.2 ～ところです 46.3 ～ばかりです 46.4 ～はずです 会話：先週、治してもらったばかりなのに、まあ。。。。	3			6	9	
10	47.1 ～そうです（書かれた情報を伝える） 47.2 ～そうです（聞いた情報を伝える） 47.3 ～そうです 47.4 ～ようです 47.4 ～ば～ほど～・～なら～なほど～ 会話：婚約したそうです	4			8	12	
11	48.1 ～人を・に～（さ）せます 48.2 ～人を・に（さ）せます 48.3 ～好きなことを～（さ）せます 48.4 ～（さ）せていた	3			6	9	

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
	だけませんか 会話：休みませていただきます だけませんか						
12	49.1 ～（ら）れます 49.2 ～お～になります 49.3 ～特別な尊敬語 49.4 ～お～ください・ 総合問題 会話：よろしくお伝えください	3			6	9	
13	50.1 お・ご～します 50.2 特別な謙譲語 50.3 総合問題 50.4 総合問題 会話：心から感謝いたします	3			6	9	
Tổng		45			90	135	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1.
2.
3.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và giải thích nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài tập luyện nghe về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CL O1	CL O2	CL O3	CL O4	CL O5	CL O6	CL O7	CL O8	CL O9	CL O10	CL O11
Thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Vấn đáp	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Đọc và giải thích nội dung tài liệu	X	X	X	X			X	X		X	X
Tư duy cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Thảo luận	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CL O1	CL O2	CL O3	CL O4	CL O5	CL O6	CL O7	CL O8	CL O9	CL O10	CL O11
Thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- a. Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- b. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%

2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi: Vấn đáp

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CL O1	CL O2	CL O3	CL O4	CL O5	CL O6	CL O7	CL O8	CL O9	CL O10	CL O11
Bài tập nhỏ	X	X	X	X	X	X					
Thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Vấn đáp					X	X					

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2018 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

みんなの日本語初級 II– 本冊 (NXB 3A Corporation) (*Minna no Nihongo Shokyuu II*)

みんなの日本語初級II– 聴解タクス 25 (NXB 3A Corporation) (*Minna no Nihongo Shokyuu II - Choukai takusu 25*)

13.2. Tài liệu tham khảo

みんなの日本語初級 II ベトナム語語彙訳(NXB 3A Corporation)

(*Minna no Nihongo Shokyuu II betonamugo goiyaku*)

みんなの日本語初級 II – 標準問題集(NXB 3A Corporation)

(Minna no Nihongo Shokyuu II – hyojyunmondaishuu)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

ThS.Nguyễn Thị Hồng Yến

ThS.Hồ Thị Minh Hiền